

Spring VHF-UHF Field Day Contest 2016 ---- Division 1

Sub-Section Winners Summary

=====

Section A1 - Portable, Single Op 24 hrs

Single Band VK3WMM 24
 Four Bands VK5FRPN 889
 All Bands VK5KBJ 2255
 Digital VK2DAG 2258

Section B1 - Portable, Multi Op 24 hrs

All Bands VK3ER 6459

Section C1 - Home Station, 24 hrs

1-Band Digi VK2IUW 44
 Four Bands VK3AMB 1270
 All Bands VK3MY 2618
 Digital VK2CU 2316

Section D1 - Rover Station, 24 hrs

All Bands VK5ZT 4797

Section A2 - Portable, Single Op 8 hrs

Single Band VK1AGP 246
 Four Bands VK5DT 607
 All Bands VK5KK 3946
 Digital VK2UMZ

Section B2 - Portable, Multi Op 8 hrs

Four Bands VK2SF 216

Section C2 - Home Station, 8 hrs

Single Band VK3JL 309
 Four Bands VK5DT 727
 All Bands VK3CG 1003
 Digital VK2JDS 2125

Section D2 - Rover Station, 8 hrs

No logs submitted!

Top scoring Foundation Station: VK5FRPN Section: A1 Score: 889

All Results Tables

=====

Section A1 - Portable, Single op 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	valid QSOS	50 MHZ	144 MHZ	432 MHZ	1296 MHZ	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK3WMM	Andrey Bondarchuk	QF22	4	24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24
VK5FRPN	Rodney Nitschke	PF94	105	-	354	535	-	-	-	-	-	-	-	-	889
VK3ND	Greg Smith	QF21	49	35	240	270	-	-	-	-	-	-	-	-	545
VK5KBJ	Barry Bates	PF94	161	99	477	625	504	340	210	-	-	-	-	-	2255

Section A2 - Portable, Single Op 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK1AGP	Gregory Parkhurst	QF44	12	-	246	-	-	-	-	-	-	-	-	-	246
VK4JAZ	Grant McDuling	QG62	3	-	99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99
VK5DT	Darren Jury	PF95	32	34	117	160	296	-	-	-	-	-	-	-	607
VK3YE	Peter Parker	QF21	50	79	219	290	-	-	-	-	-	-	-	-	588
VK5FABG	John Hayes	PF95	34	-	237	325	-	-	-	-	-	-	-	-	562
VK5FBAA	Bob Jeisman	PF95	30	-	234	210	-	-	-	-	-	-	-	-	444
VK2IO	Gerard Hill	QF55	34	130	159	105	-	-	-	-	-	-	-	-	394
VK4ADC	Doug Hunter	QG61	11	70	63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	133
VK5KK	David Minchin	PF95	85	43	228	433	592	690	580	570	580	-	230	-	3946
VK5ZD	Iain Crawford	PF95	88	23	240	340	512	570	590	470	470	-	230	-	3445
VK3HY	Gavin Brain	QF22	101	104	408	351	392	340	330	-	440	-	-	-	2365
VK5OQ	Keith Gooley	PF95	37	24	180	185	280	210	340	330	330	-	-	-	1879
VK3APW	Peter Westgarth	QF21	48	47	174	255	288	330	210	320	-	-	-	-	1624
VK5NI	John Ross	PF95	43	23	168	245	304	-	350	220	-	-	-	-	1310

Section B1 - Portable, Multi Op 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK3ER	Eastern and Mountain	QF22	548	369	897	1275	1328	780	620	390	520	280	-	-	6459
VK3KQ	Damian Ayers	QF12	318	234	666	780	960	490	640	510	540	280	-	-	5100

Section B2 - Portable, Multi Op 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK2SF	Derrick Harcourt	QF55	20	102	114	-	-	-	-	-	-	-	-	-	216

Section C1 - Home Station, 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK3AMB	Bernard Petherbridge	QF22	146	101	435	366	368	-	-	-	-	-	-	-	1270
VK3VKT	Andrew Kayler-Thomso	QF22	95	48	381	350	320	-	-	-	-	-	-	-	1099
VK4ALH	Leicester Hibbert	QG63	41	107	126	185	280	-	-	-	-	-	-	-	698
VK2YW	John Eyles	QF34	28	54	363	165	-	-	-	-	-	-	-	-	582
VK5DF	Daniel Flakelar	PF94	48	23	186	265	-	-	-	-	-	-	-	-	474
VK3FCEK	Christine Kaucner	QF22	31	-	156	295	-	-	-	-	-	-	-	-	451
VK3DLR	David Ryan	QF22	16	36	108	110	176	-	-	-	-	-	-	-	430
VK3AUQ	Kevin Phillips	QF22	39	52	165	210	-	-	-	-	-	-	-	-	427
VK3PZ	John Longayroux	QF22	31	29	129	145	-	-	-	-	-	-	-	-	303
VK2IUW	Hilary Bridel	QF56	7	43	96	110	-	-	-	-	-	-	-	-	249
VK3MY	Ross Keogh	QF22	261	151	529	590	808	540	-	-	-	-	-	-	2618
VK4CZ	Scott Watson	QG62	19	-	102	110	288	460	-	-	210	-	-	-	1170
VK3KIS	Andrew Kayton	QF22	38	-	105	165	216	230	-	-	-	-	-	-	716

Section C2 - Home Station, 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHZ	144 MHZ	432 MHZ	1296 MHZ	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK3JL	David Rolfe	QF21	43	-	309	-	-	-	-	-	-	-	-	-	309
VK5DT	Darren Jury	PF95	33	34	231	190	272	-	-	-	-	-	-	-	727
VK3ZAP	Jim Wilson	QF22	6	-	135	105	-	-	-	-	-	-	-	-	240
VK2TG	Robert Demkiw	QF55	9	22	141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	163
VK2XTC	Brian O~Gallagher	QF56	7	21	108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129
VK3CG	Gerard Sexton	QF22	32	36	144	185	288	350	-	-	-	-	-	-	1003

Section D1 - Rover Station, 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHZ	144 MHZ	432 MHZ	1296 MHZ	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK5ZT	Tim Dixon	PF84 PF85 PF96 PF95 PF94	141	-	369	570	728	810	720	690	700	210	-	-	4797

Section D2 - Rover Station, 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr(s)	Valid QSos	50 MHZ	144 MHZ	432 MHZ	1296 MHZ	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
No logs submitted!															

Late Logs

None.

Sub-Section Winners Summary

=====

Section A1 - Portable, Single Op 24 hrs

Four Bands VK5FRPN 13955
 All Bands VK5KBJ 33482

Section A2 - Portable, Single Op 8 hrs

Single Band VK1AT 3118
 Four Bands VK2IO 13546
 All Bands VK3HY 29313

Section B1 - Portable, Multi Op 24 hrs

All Bands VK3ER 184688

Section B2 - Portable, Multi Op 8 hrs

Single Band VK2BOR 17054

Section C1 - Home Station, 24 hrs

Four Bands VK3AMB 23036
 All Bands VK3MY 57195

Section C2 - Home Station, 8 hrs

Single Band VK5AKK 9764
 Four Bands VK5DT 5529
 All Bands VK3CG 6727

Section D1 - Rover Station, 24 hrs

All Bands VK5ZT 34874

Section D2 - Rover Station, 8 hrs

No logs submitted!

Top scoring Foundation Station: VK5FRPN Section: A1 Score: 13955

All Results Tables

=====

Section A1 - Portable, Single op 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr	Valid QSOs	Avg Km /QSO	50 MHZ	144 MHZ	432 MHZ	1296 MHZ	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK5FRPN	Rodney Nitschke	PF94GQ	105	71	-	4464	9491	-	-	-	-	-	-	-	-	13955
VK3ND	Greg Smith	QF21QL	49	138	2198	3318	4751	-	-	-	-	-	-	-	-	10267
VK5KBJ	Barry Bates	PF94GQ	161	138	7006	8899	11594	3823	1475	685	-	-	-	-	-	33482

Section C1 - Home Station, 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr	Valid QSOs	Avg Km /QSO	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK3AMB	Bernard Petherbr	QF22PL	146	103	8039	5453	5959	3585	-	-	-	-	-	-	-	23036
VK4ALH	Leicester Hibber	QG63NF	41	460	16178	787	1264	1452	-	-	-	-	-	-	-	19681
VK2YW	John Eyles	QF34QU	28	406	4238	6369	3207	-	-	-	-	-	-	-	-	13814
VK5NEX	Arnold H Jessop	PF86SX	36	229	-	5375	7811	-	-	-	-	-	-	-	-	13186
VK3VKT	Andrew Kayler-Th	QF22HC	95	73	833	4165	4743	2090	-	-	-	-	-	-	-	11831
VK3FCEK	Christine Kaucne	QF22NC	31	62	-	769	3274	-	-	-	-	-	-	-	-	4043
VK3PZ	John Longayroux	QF22ND	31	71	1200	883	1897	-	-	-	-	-	-	-	-	3980
VK5DF	Daniel Flakelar	PF94HW	48	30	122	800	1986	-	-	-	-	-	-	-	-	2908
VK2IUW	Hilary Bridel	QF56IF	7	148	1358	98	108	-	-	-	-	-	-	-	-	1564
VK3MY	Ross Keogh	QF22PD	261	116	13431	11329	13016	11002	8417	-	-	-	-	-	-	57195
VK4CZ	Scott Watson	QG62LP	19	66	-	300	614	1200	1869	-	-	190	-	-	-	4173
VK3KIS	Andrew Kayton	QF22OF	38	45	-	662	1578	1420	489	-	-	-	-	-	-	4149

Section C2 - Home Station, 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr	Valid QSOs	Avg Km /QSO	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK5AKK	Phil Helbig	PF94IX	16	615	-	9764	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9764
VK3JL	David Rolfe	QF21PV	42	80	-	3376	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3376
VK5DT	Darren Jury	PF95IK	33	107	503	2469	1568	989	-	-	-	-	-	-	-	5529
VK3OHM	Marc Hillman	QF22OE	7	46	156	150	245	-	-	-	-	-	-	-	-	551
VK3CG	Gerard Sexton	QF22OF	27	104	2066	481	1162	1634	1384	-	-	-	-	-	-	6727

Section D1 - Rover Station, 24 hours

Call	Name	Actvt Lctr	Valid QSOs	Avg Km /QSO	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
VK5ZT	Tim Dixon	PF84VX	PF85WN 141	PF96CA 76	PF95CX -	PF94HX 3939	PF95IB 7364	6253	3600	4727	3713	5118	160	-	-	34874

Section D2 - Rover Station, 8 hours

Call	Name	Actvt Lctr	Valid QSOs	Avg Km /QSO	50 MHz	144 MHz	432 MHz	1296 MHz	2.4 GHZ	3.4 GHZ	5.7 GHZ	10. GHZ	24. GHZ	47. GHZ	76. GHZ	TOTAL
No logs submitted!																

Late Logs

VK4VDX

Home/24h/AllBand

ClaimedContacts: 21

ClaimedScore: 1391

Stations Submitting Logs

=====

	Division 1		Division 2	
1	VK1AGP	A2a		
2			VK1AI	A2b
3			VK1AT	A2a
4			VK1DA	A2b
5			VK2BOR	B2a
6	VK2CU	C1c		
7	VK2DAG	A1c		
8	VK2IO	A2b	VK2IO	A2b
9	VK2IUW	C1b	VK2IUW	C1b
10	VK2UMZ	A2c		
11			VK2MB	A2b
12	VK2SF	B2b		
13	VK2TG	C2b		
14	VK2XTC	C2b		
15	VK2YW	C1b	VK2YW	C1b
16	VK3AMB	C1b	VK3AMB	C1b
17	VK3APW	A2c	VK3APW	A2c
18	VK3AUQ	C1b		
19	VK3CG	C2c	VK3CG	C2c
20	VK3DLR	C1b		
21	VK3ER	B1c	VK3ER	B1c
22	VK3FCEK	C1b	VK3FCEK	C1b
23	VK3HY	A2c	VK3HY	A2c
24	VK3JL	C2a	VK3JL	C2a
25	VK3KIS	C1c	VK3KIS	C1c
26	VK3KQ	B1c	VK3KQ	B1c
27	VK3MY	C1c	VK3MY	C1c
28	VK3ND	A1b	VK3ND	A1b
29			VK3OHM	C2b
30	VK3PZ	C1b	VK3PZ	C1b
31	VK3VKT	C1b	VK3VKT	C1b
32	VK3WMM	A1a		
33	VK3YE	A2b		
34	VK3ZAP	C2b		
35	VK4ADC	A2b	VK4ADC	A2b
36	VK4ALH	C1b	VK4ALH	C1b
37	VK4CZ	C1c	VK4CZ	C1c
38	VK4JAZ	A2a		
39			VK5AKK	C2a
40	VK5DF	C1b	VK5DF	C1b
41	VK5DT	A2b	VK5DT	A2b
41	VK5DT	C2b	VK5DT	C2b
43	VK5FABG	A2b	VK5FABG	A2b
44	VK5FBAA	A2b	VK5FBAA	A2b
45	VK5FRPN	A1b	VK5FRPN	A1b
46	VK5KBJ	A1c	VK5KBJ	A1c
47	VK5KK	A2c	VK5KK	A2c
48			VK5NEX	C1b
49	VK5NI	A2c	VK5NI	A2c
50	VK5OQ	A2c		
51	VK5ZD	A2c	VK5ZD	A2c
52	VK5ZT	D1c	VK5ZT	D1c

Total: 44 (84.6%) 38 (73.1%) Both: 30 (61.2%)

At least 186 other participating stations submitted no log (26 of which had made at least 10 contacts)